

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt
cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 72/TTr-STC ngày 04/03/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh năm 2024, với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Kế hoạch cấp muối i-ốt:

1. Số hộ, số nhân khẩu:

- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được cấp muối là 11.670 hộ;

- Tổng số nhân khẩu là 42.847 người.

2 Định mức muối i-ốt cấp: 06 kg/người/năm.

3. Số lượng muối cấp: 257.082 kg (42.847 người x 06 kg/người).

(Cụ thể số hộ, số nhân khẩu và số lượng muối i-ốt cấp cho từng địa bàn theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội đã được UBND tỉnh giao dự toán năm 2024 cho Ban Dân tộc tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 để thực hiện.

II. Đơn giá muối:

Giao Ban Dân tộc lập dự toán chi tiết trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt làm cơ sở tổ chức đấu thầu, trong đó:

- Đơn giá muối bao gồm: Muối sạch trộn i-ốt đựng trong túi OPP loại 01 kg;
- Đơn giá muối được tính đến địa điểm cấp phát muối là trụ sở UBND các xã (một số nơi giao tại thôn, làng) có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

III. Đơn vị thực hiện cấp phát muối i-ốt:

Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp muối i-ốt cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024 đảm bảo chất lượng và đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện liên quan có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí nêu trên đúng mục đích và tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, không bỏ sót đối tượng được thụ hưởng chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Trưởng ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT, PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /03/2024 của UBND tỉnh)

Số TT	Huyện/xã	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số lượng muối i-ốt (6kg/người)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.670	42.847	257.082	
I	Huyện An Lão	3.411	12.461	74.766	
1	Xã An Hòa	21	85	510	
2	Xã An Tân	52	171	1.026	
3	Thị trấn An Lão	327	1.251	7.506	
4	Xã An Trung	696	2.459	14.754	
5	Xã An Dũng	478	1.792	10.752	
6	Xã An Vinh	548	2.051	12.306	
7	Xã An Hưng	466	1.628	9.768	
8	Xã An Quang	373	1.325	7.950	
9	Xã An Nghĩa	200	731	4.386	
10	Xã An Toàn	250	968	5.808	
II	Huyện Vĩnh Thạnh	2.887	10.784	64.704	
1	Xã Vĩnh Sơn	914	3.442	20.652	
2	Xã Vĩnh Kim	531	2.079	12.474	
3	Xã Vĩnh Hảo	110	405	2.430	
4	Xã Vĩnh Hiệp	253	935	5.610	
5	Xã Vĩnh Thịnh	175	701	4.206	
6	Xã Vĩnh Hòa	238	805	4.830	
7	Xã Vĩnh Thuận	438	1.675	10.050	
8	Xã Vĩnh Quang	6	8	48	
9	Thị trấn Vĩnh Thạnh	222	734	4.404	
III	Huyện Vân Canh	3.668	13.665	81.990	
1	Xã Canh Vinh	9	27	162	
2	Xã Canh Hiền	6	8	48	
3	Xã Canh Hiệp	567	2.191	13.146	
4	Xã Canh Thuận	940	3.547	21.282	
5	Xã Canh Hòa	554	2.045	12.270	
6	Xã Canh Liên	830	2.806	16.836	
7	Thị trấn Vân Canh	762	3.041	18.246	
IV	Huyện Hoài Ân	1.157	3.909	23.454	
1	Xã Đăk Mang	398	1.371	8.226	
2	Xã Bók Tới	531	1.809	10.854	
3	Xã Ân Sơn	190	597	3.582	
4	Xã Ân Tường Đông	24	73	438	
5	Xã Ân Mỹ	7	27	162	
6	Xã Ân Tường Tây	4	14	84	
7	Xã Ân Nghĩa	2	12	72	
8	Xã Ân Phong	1	6	36	
V	Huyện Tây Sơn	515	1.917	11.502	
1	Xã Vĩnh An	373	1.403	8.418	
2	Xã Bình Tân	76	288	1.728	
3	Xã Tây Xuân	56	188	1.128	
4	Xã Tây Phú	2	8	48	
5	Xã Tây Giang	4	15	90	
6	Xã Tây Thuận	4	15	90	
VI	Huyện Phù cát	32	111	666	
1	Xã Cát Sơn	15	50	300	
2	Xã Cát Lâm	17	61	366	